CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH VIỆT NAM

Tầng 9, Tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội
Số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội
Hotline: 1900.1055 - Website: www.nhsv.vn

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI NHSV

Áp dụng từ ngày ***20/11/2026***

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	12,800
2	ACB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	30,500
3	ACG	HOSE	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	40,700
4	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần DAMSAN	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	9,300
5	AGG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	17,500
6	AGR	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	18,500
7	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	31,800
8	AST	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	71,600
9	BAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	40%	60%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	36,000
10	BCM	HOSE	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	63,000
11	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	58,200
12	BIC	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	36,000
13	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	42,300
14	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	162,900
15	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	41,900
16	BSR	HOSE	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	28,400
17	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	63,800
18	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	46,700
19	CDC	HOSE	Công ty Cổ phần Chương Dương	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	15,800

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
20	CHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	31,000
21	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	22,400
22	CLC	HOSE	Công ty Cổ phần Cát Lợi	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	56,300
23	CLL	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	34,000
24	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	35,900
25	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	27,800
26	CRE	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	20%	80%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	9,900
27	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	14,000
28	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	33,400
29	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	98,400
30	CTF	HOSE	Công ty Cổ phần City Auto	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	19,100
31	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	43,500
32	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	26,000
33	CTR	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	93,200
34	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	36,400
35	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	38,000
36	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	29,100
37	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	59,000
38	DC4	HOSE	Công ty Cổ phần Dicera Holdings	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	18,200
39	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu Khí Cà Mau	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	52,300
40	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	52,100
41	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	54,000
42	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	48,400
43	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	106,300
44	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	25,200
45	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	92,300
46	DPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	46,500

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
47	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	29,400
48	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	49,300
49	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	17,700
50	DRL	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	61,300
51	DSC	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	18,400
52	DSE	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	26,000
53	DSN	HOSE	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	57,200
54	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	86,000
55	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%	18,400
56	DXS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	10,000
57	E1VFVN30	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVN30	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	32,300
58	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	25,000
59	ELC	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	23,000
60	EVF	HOSE	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	14,000
61	FCN	HOSE	Công ty Cổ phần FECON	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%	17,000
62	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	46,600
63	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	97,400
64	FRT	HOSE	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	40%	60%	80%	80%	0%	0%	80%	0%	152,100
65	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	37,600
66	FUEVFVND	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	36,500
67	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	86,200
68	GEE	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	138,500
69	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,200
70	GEX	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	44,500
71	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần Gemadept	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	81,800
72	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	21,200
73	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	39,700
74	HAG	HOSE	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	17,500
75	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	66,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
76	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	11,700
77	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	30,200
78	HDB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	25,000
79	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	19,000
80	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	29,100
81	HHP	HOSE	Công ty Cổ phần HHP Global	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	12,300
82	HHS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,500
83	HHV	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	14,100
84	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	32,300
85	HPX	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	7,000
86	HSG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	17,600
87	HT1	HOSE	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	15,900
88	HTG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	56,000
89	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	0%	100%	40%	40%	16%	0%	16%	0%	7,600
90	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	19,500
91	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	28,500
92	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	52,200
93	ITC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%	13,800
94	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	50%	50%	100%	100%	40%	0%	100%	0%	35,000
95	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	60,000
96	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	30,900
97	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%	7,100
98	KHP	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	14,100
99	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	18,300
100	LBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	37,600
101	LCG	HOSE	Công ty Cổ phần Lizen	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	13,100

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
102	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	39,000
103	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	34,400
104	LPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	45,000
105	LSS	HOSE	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%	18,000
106	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	34,700
107	MCH	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng MaSan	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	135,000
108	MCM	HOSE	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	35,900
109	MIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	20,600
110	MSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	16,500
111	MSH	HOSE	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	42,300
112	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	91,900
113	MWG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	88,300
114	NAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	17,000
115	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	
116	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	135,900
117	NHH	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	18,400
118	NKG	HOSE	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	15,900
119	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	39,400
120	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	61,700
121	NT2	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	31,000
122	NVL	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	30%	70%	60%	60%	24%	0%	60%	0%	15,500
123	OCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	14,800
124	OPC	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	27,300
125	ORS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	12,500
126	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	27,200
127	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	63,700
128	PDN	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	110,000
129	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%	28,000
130	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%	38,100

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
131	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	29,500
132	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	72,600
133	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	45,900
134	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	14,300
135	PPC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	11,700
136	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	62,900
137	PVD	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	36,200
138	PVP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	29,800
139	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	35,200
140	RAL	HOSE	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	139,200
141	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	76,400
142	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	54,300
143	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	8,100
144	SBA	HOSE	Công ty Cổ phần Sông Ba	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	29,900
145	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	25,000
146	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	10%	90%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	8,300
147	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	75,500
148	SHB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	16,000
149	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	11,000
150	SHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	36,500
151	SIP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	71,800
152	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	26,500
153	SJS	HOSE	Công ty Cổ phần SJ Group	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	52,000
154	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,600
155	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	42,300
156	SSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	18,400
157	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	32,800

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
158	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	65,000
159	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	34,700
160	SZL	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%	56,900
161	TCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	40,100
162	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	25,200
163	TCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	10,500
164	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	73,500
165	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	29,000
166	TCX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	60,500
167	TDC	HOSE	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	12,300
168	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	57,000
169	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	62,500
170	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	29,100
171	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	54,000
172	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%	41,200
173	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	23,000
174	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	96,000
175	TRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	121,300
176	TTA	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	15,200
177	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	37,900
178	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	19,100
179	VAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	15,800
180	VCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	73,200
181	VCG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	26,000
182	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	38,000
183	VCK	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng Khoán VPS	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	35,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
184	VFG	HOSE	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	74,800
185	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	51,200
186	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	89,500
187	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	104,000
188	VIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	22,600
189	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%	73,500
190	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,700
191	VIX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	30,000
192	VJC	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%	123,800
193	VND	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	20,300
194	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	71,500
195	VPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	31,400
196	VPD	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	26,900
197	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%	50,000
198	VPL	HOSE	Công ty Cổ phần Vinpearl	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	80,000
199	VPX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	30,000
200	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	33,000
201	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	23,900
202	VTP	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	108,100
203	YEG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	14,300
204	BAB	HNX	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	13,100
205	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	35,200
206	CAP	HNX	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	47,800
207	CEO	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	22,000
208	DHT	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	54,000
209	DP3	HNX	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	66,600
210	DTD	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	20,000
211	DXP	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%	25,800

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
212	HGM	HNX	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	201,500
213	HUT	HNX	Công ty Cổ phần Tasco	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	17,000
214	HVT	HNX	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	37,400
215	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	51,300
216	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	26,700
217	INN	HNX	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%	77,900
218	KSV	HNX	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	160,600
219	LAS	HNX	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	20,400
220	LHC	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	94,700
221	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	30,600
222	NDN	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	13,700
223	NTP	HNX	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	67,000
224	PGS	HNX	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%	48,000
225	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	29,100
226	PMC	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	142,900
227	PVC	HNX	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	18,100
228	PVI	HNX	Công ty Cổ phần PVI	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	82,800
229	PVS	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	47,500
230	S99	HNX	Công ty Cổ phần SCI	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	9,300
231	SHS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	20,500
232	SLS	HNX	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	186,300
233	SZB	HNX	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	45,200
234	TNG	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	25,000
235	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	20,000
236	VCS	HNX	Công ty Cổ phần VICOSTONE	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	58,000
237	VFS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	30%	70%	60%	60%	0%	0%	0%	0%	18,700
238	VGS	HNX	Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	33,500

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
239	VNR	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	28,000
240	VTZ	HNX	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%	18,700